.TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 08 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Quý** và ông **Phạm Tiến Lợi**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/TLST - HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2017/QĐXXST-HS ngày 19/12/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh năm 1967; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: PG, xã ĐS, huyện CM, Thành phố Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc X, con bà: Nguyễn Thị H (đều đã chết); Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1983 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; Danh chỉ bản số 431 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 03/10/2017; Tiền sự: không.

* Tiền án: Ngày 28/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội phạt 08 năm tù về tội "Chứa mại dâm"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2016.

* Nhân thân: Ngày 21/5/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) phạt 05 năm tù về tội "Chứa mại dâm"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2005; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và các khoản khác ngày 13/8/1999 theo biên lai số 001585 và ngày 04/9/1999 theo biên lai số 001592.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ **ngày 02/10/2017 đến ngày 10/11/2017** được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Anh Nguyễn Doãn S, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 1, xã CH, huyện QO, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn 4, xã CH, huyện QO, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2017, Nguyễn Văn B mở quán cà phê mang tên "Cà phê H" tại nhà của B ở PG, xã ĐS, CM, Hà Nội để bán cà phê, nước giải khát, tẩm quất và hoạt động mại dâm thu lời bất chính. Ngày 01/10/2017 có Hoàng Thị B (sinh năm 1984, trú tại xóm B, xã MT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ), Đinh Thị L (sinh năm 1984, trú tại xóm C, xã ĐQ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ) và Hoàng Thị D (sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã ĐY, huyện BQ, tỉnh Hà Giang) đến quán của B để xin làm gái bán dâm. B đồng ý và thỏa thuận với B, L, D: khi có khách đến hỏi mua dâm thì phải được sự đồng ý của B mới được bán dâm. B trực tiếp thu tiền mua dâm của khách là 200.000 đồng/lượt, sau đó chia lại cho B, L, D số tiền là 100.000 đồng/lần bán dâm, B được hưởng 100.000 đồng. Nếu khách đến đấm lưng, tẩm quất, kích dục thì B thu 120.000 đồng/lượt, B chia cho nhân viên 50.000 đồng/lượt, còn B được hưởng 70.000 đồng. B mua 06 bao cao su nhãn hiệu OK để phục vụ cho việc mua bán dâm.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, Mai Xuân H (sinh năm 1987, trú tại khu 5, xã VL, huyện TB, tỉnh Phú Thọ), Nguyễn Hữu H (sinh năm 1986, trú tại thôn 4, xã CH, huyện QO), Nguyễn Doãn S (sinh năm 1989) và Vương Đình Đ (sinh năm 1987) đều trú tại thôn 1, xã CH, huyện QO rủ nhau đến quán quán cà phê mang tên "Cà phê H" của B mục đích để mua dâm. Khi đến quán, Xuân H hỏi B: "ở đây có nhân viên bán dâm không, mỗi lần bao nhiêu tiền?". B trả lời là: "Có, giá 200.000 đồng/người/lần mua dâm". Xuân H đồng ý và thỏa thuận với B sau khi mọi người mua dâm xong sẽ thanh toán tiền. Sau đó B bảo Hoàng Thị B đi bán dâm cho Nguyễn Hữu H (không sử dụng bao cao su) tại phòng số 3 của quán cà phê. Khoảng 30 phút sau khi mua bán dâm xong, Hữu H đi ra ngoài, còn B đợi trong phòng. Tiếp theo, Nguyễn Doãn S vào phòng số 3 để mua dâm, B lấy 1 bao cao su trong ngăn

kéo bàn tại phòng số 3 sử dụng để bán dâm cho S. Khi S và B đang mua bán dâm với nhau thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Chương Mỹ phối hợp với Công an xã Đông Sơn kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: + 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ và 01 (một) ruột bao cao su đã qua sử dụng thu trên giường trong phòng số 3; 05 (năm) bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ chưa sử dụng thu giữ trong ngăn kéo bàn tại phòng số 3; + Tiền mặt 400.000 đồng do Nguyễn Doãn S và Nguyễn Hữu H tự nguyện giao nộp.

Quá trình kiểm tra hành chính, lực lượng Công an phát hiện tại phòng số 2 của quán cà phê của B có Đinh Thị L đang có hành vi kích dục cho Lưu Tiến K (sinh năm 1987, trú tại xóm T Đ, xã HX, ƯH, Hà Nội). Nguyễn Văn B khai nhận, khoảng 17 giờ ngày 02/10/2017, Lưu Tiến K đến hỏi dịch vụ thư giãn kích dục (không nhằm mục đích quan hệ tình dục), B thỏa thuận với K giá 120.000 đồng/1 lượt, K đồng ý và thỏa thuận sau khi kích dục xong sẽ thanh toán tiền. Sau đó B bảo Đinh Thị L kích dục cho khách tại phòng số 2 của quán cà phê.

Tại Bản Cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Văn B về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi chứa mại dâm như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo B. Đề nghị tuyên bố bị cáo B phạm tội "Chứa mại dâm". Xác định bản án số 87/HSST, ngày 21/5/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) phạt 05 năm tù về tội "Chứa mại dâm" được đương nhiên xóa án tích theo điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015; nên bản án số 45/2010/HSST Ngày 28/4/2010, của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội phạt B 08 năm tù về tội "Chứa mại dâm" là tình tiết "tái phạm". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự 1999, nay là khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999, nay là điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, nay là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, phạt bị cáo B từ 04 năm đến 05 năm tù; đề nghị tịch sung quỹ Nhà nước 400.000 đồng; đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số bao cao su đã sử dụng, chưa sử dụng; đề

nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; đề nghị buộc bị cáo B chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, tạm giam, về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, lấy lời khai người liên quan, người làm chứng, xác minh hiện trường vụ án, thu giữ vật chứng, về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đầy đủ, đúng trình tự tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Không mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình đối với bị can.

[1.2]. Về sự tham gia tố tụng của anh Nguyễn Doãn S, Nguyễn Hữu H: do mỗi người đã nộp lại 200.000 đồng và hiện đang bị thu giữ nên cần thiết phải đưa hai người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về sự vắng của anh S, anh H: Xét thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ các lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về sự vắng mặt của những người làm chứng là: anh Nguyễn Doãn S, Nguyễn Hữu H, anh Mai Xuân H, anh Vương Đình D, chị Hoàng Thị B: Xét thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ các lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn B tại phiên tòa, thấy phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ ngày 02/10/2017, tại phòng số 3 của quán "Cà phê H" là nhà của Nguyễn Văn B ở PG, xã ĐS, CM, Hà Nội, Nguyễn

Hữu H, Nguyễn Doãn S, Mai Xuân H và Vương Đình Đ cùng đến quán của B nhằm mục đích mua dâm. B đã có hành vi thỏa thuận sau khi mọi người mua dâm xong sẽ thanh toán tiền một lần cho B, rồi sắp xếp cho Nguyễn Hữu H và Nguyễn Doãn S lần lượt vào phòng mua dâm với gái bán dâm là Hoàng Thị B nhằm thu lợi bất chính số tiền 400.000 đồng thì bị Công an huyện Chương Mỹ bắt quả tang. Hành vi của Nguyễn Văn B đã phạm vào tội 'Chứa mại dâm".

Cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Văn B về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xem xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Tại Bản án số 87/HSST ngày 21/5/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) phạt 05 năm tù về tội "Chứa mại dâm", chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2005. Ngày 28/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội phạt 08 năm tù về tội "Chứa mại dâm" (bản án này xác định phạm tội ngày 15/01/2010); chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2016.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015: "*Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc ..., người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: **02 năm** trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm*". Và theo nguyên tắc áp dụng có lợi cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì bản án số 87/HSST ngày 21/5/1999 sẽ được đương nhiên xóa án tích khi B phạm tội lần thứ 2 vào năm 2010, nên B chỉ còn 01 tiền án là bản án số 45/2010/HSST ngày 28/4/2010. Do vậy, lần phạm tội mới này của B (ngày 02/10/2017) là thuộc trường hợp "Tái phạm".

Tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *"Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến **bảy năm**";*

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *"Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến **05 năm**";*

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì điều luật được áp dụng đối với Nguyễn Văn B về tội "Chứa mại dâm" là khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (do hình phạt của Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn hình phạt của khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999).

Do vậy, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa, trật tự trị an xã hội. Trước tình hình tội phạm về mại dâm ngày càng gia tăng, phức tạp, những hệ lụy, tác hại của tệ nạn mại dâm, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh phòng chống mại dâm để xử lý kiên quyết những người vi phạm; bị cáo B vì mục đích hám lợi bất chính vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo B có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cần phải có hình phạt nghiêm khắc áp dụng đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[2.2] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu, năm 1999 cũng đã bị xét xử về tội "Chứa mại dâm", điều này thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật, không chịu nhận thức, cải tạo về hành vi phạm tội do bị cáo đã và đang gây ra. Do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly với xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng, giáo dục, dăn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự.

[2.3] Đối với chị Hoàng Thị H là vợ của Nguyễn Văn B, chị H không biết việc Nguyễn Văn B sử dụng quán cà phê tại nhà ở của mình làm nơi chứa mại dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Thị B có hành vi bán dâm, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Doãn S có hành vi mua dâm, đã vi phạm Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội. Ngày 08/11/2017, Công an huyện Chương Mỹ đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với B, H và S là phù hợp.

Đối với Đinh Thị L, Lưu Tiến K có hành vi kích dục, không nhằm mục đích quan hệ tình dục, nên không phải là hành vi mua bán dâm. Công an huyện Chương Mỹ không đề cập xử lý.

Đối với Mai Xuân H và Vương Đình Đ đến quán của B nhằm mục đích mua dâm nhưng H và Đ chưa thực hiện được nên Công an huyện Chương Mỹ không đề cập xử lý.

[2.4] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ và 01 (một) ruột bao cao su đã qua sử dụng; 05 (năm) bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ chưa sử dụng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu huỷ.

+ Số tiền 400.000 đồng do anh Nguyễn Doãn S và Nguyễn Hữu H tự nguyện giao nộp: Xét thấy đây là số tiền đã dùng vào giao dịch trái pháp luật nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội "Chứa mại dâm".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt:

Nguyễn Văn B: 21 (hai mươi mốt) **tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày **02/10/2017 đến ngày 10/11/2017.**

3. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ và 01 (một) ruột bao cao su đều đã qua sử dụng; 05 (năm) bao cao su nhãn hiệu OK, màu đỏ chưa sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng.

(*Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2017. Toàn bộ số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ tại Kho bạc Nhà nước huyện Chương Mỹ theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 30/11/2017*).

4. Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC. THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai